

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 3- 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ', TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Hải

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lương Minh Côn; ông Phạm Xuân Khoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo -  
Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 224/2021/TLST - HNGĐ, ngày 12/11/2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 10/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm T, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Tôi và anh Phan Văn T kết hôn năm 1998, trước khi cưới có được tìm hiểu và lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng về sống tại gia đình nhà anh T tại xóm T, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng không ai có tài sản riêng. Sau khai cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2004 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không quan tâm đến vợ con, anh T hay uống rượu về chửi tôi và còn đánh tôi nên cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tôi đã nói chuyện với anh T và nói chuyện với bố mẹ chồng để khuyên bảo anh T nhưng vẫn không có kết quả gì. Tôi đã nhiều lần nói chuyện với anh T để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Đến tháng 7/2005 thì tôi bỏ đi làm ăn vợ chồng sống ly thân không ai còn quan tâm gì đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ. Đến nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh T có 01 con chung cháu Phan Anh T, sinh ngày 25/4/2000. Hiện cháu T đã lớn đi làm tự lo cho cuộc sống của mình nên tôi không

có ý kiến gì, cháu ở với ai là tùy quyền, tôi xác định trong quá trình chung sống cùng gia đình cháu T không tạo dựng được tài sản gì.

Về tài sản chung: Chúng tôi có 01 căn nhà cấp 4, tuy nhiên tôi không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản cho ai vay, nợ chung không có nên không ý kiến gì.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập anh T đến Tòa án để giải quyết, tuy nhiên anh T vắng mặt không lý do, Tòa án đã làm việc với ông Phan Văn Q (là bố đẻ anh T) ông Q cho biết gia đình đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên anh T đi làm ăn ở đâu gia đình không biết, gia đình có hỏi nhưng anh T không nói, tại buổi làm việc của Tòa án trực tiếp với ông Q, ông Q có nói chuyện điện thoại với anh T, anh T nói là không về Tòa án để giải quyết, gia đình bảo anh T cung cấp địa chỉ nhưng anh T không nói cho gia đình biết, Ngoài ra ông Q cho biết thêm khi mẹ đẻ anh T chết, anh T có về gia đình chịu tang mẹ xong anh T đi luôn, anh T không nói với ai. Về vụ án ly hôn ông cho rằng ông Q cung cấp anh T và chị H kết hôn năm 1998 gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, anh T, chị H đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, sau khi cưới gia đình cho anh chị H, T ra ở riêng, về con chung anh T, chị H có 01 con chung Phan Anh T, sinh năm 2000, về tài sản chị H, anh T không có gì. Còn về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T gia đình không nắm được, chị H xin ly hôn với anh T gia đình không ý kiến gì, đề nghị căn cứ theo pháp luật để giải quyết.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn chị H giao nộp gồm:

01 Giấy chứng minh nhân dân Hoàng Thị H (bản phô tô); 01 Sổ hộ khẩu gia đình (chủ hộ Phan Văn T). Anh T không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên đề nghị xin ly hôn với anh Phan Văn T. Về con chung đã trưởng thành. Về tài sản, chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- + Cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Phan Văn T
- + Về con chung: Đã trưởng thành.
- + Về tài sản: Không xem xét.
- + Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh T vắng mặt không có lý

do, do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải được nên phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Phan Văn T cư trú tại xã Yg, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa anh Phan Văn T vắng mặt lần thứ hai không lý do, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H và anh Phan Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, phía chị H xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã P vào năm 1998, tuy nhiên do thời gian đã lâu chị đã làm mất Giấy chứng nhận kết hôn nên chị không thể cung cấp cho Tòa án được. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, tại biên bản xác minh Ủy ban nhân dân xã P cung cấp hiện tại Ủy ban nhân dân xã P không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn từ những năm 2000 trở về trước. Tại biên bản xác minh đối với ông Lâm Viết V, nguyên phó chủ tịch UBND xã P kiêm trưởng Công an xã P thì xác định: Thời gian ông giữ chức vụ từ năm 1992 đến năm 1999 thì ông Lâm Viết V được giao nhiệm vụ đăng ký kết hôn, hộ khẩu, hộ tịch, ông V xác định có được đăng ký kết hôn cho chị Hoàng Thị H là công dân xóm C, xã P và anh Phan Văn T công dân xã Y, sau khi thực hiện việc đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn cho công dân xong thì công dân cầm giấy chứng nhận kết hôn về chứ không lưu vào sổ sách. Từ căn cứ trên HĐXX xác định giữa chị Hoàng Thị H và anh Phan Văn T có thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Phía chị H xác định đến năm 2004 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không quan tâm đến vợ con, anh T hay uống rượu về chửi chị H và còn đánh chị H nên cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, gia đình và chị đã khuyên bảo anh T nhưng vẫn không có kết quả gì. Chị đã nhiều lần nói chuyện với anh T để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2005 tới nay và chấm dứt mọi quan hệ. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Phía anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh T để triệu tập anh đến Tòa án, tuy nhiên anh T không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh đã được gia đình thông báo việc Tòa án triệu tập anh.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ tháng 7/2005 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng vi phạm nghĩa vụ của vợ, chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau..., do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị Hoa là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của chị H, cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Phan Văn T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa chị H xác định vợ chồng có 01 con chung Phan Anh T, sinh ngày 25/4/2000. Hiện cháu T đã trưởng thành và đã tự đi làm tự lo cho cuộc sống của mình, cháu ở với ai là tùy quyền, tại đơn đề nghị cháu Toàn xác định cháu không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung của bố mẹ, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản: Quá trình giải quyết chị H không có đề nghị giải quyết về phần tài sản nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H, cho chị H được ly hôn anh Phan Văn T.

**2. Về con chung:** Đã trưởng thành.

**3. Về tài sản:** Không xem xét.

**4. Về án phí.** Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003801 ngày 12/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND huyện Đại Từ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã P;
- Lưu hồ sơ + VP

**ĐÀO NGỌC HÀI**